

Tên:

Lớp: S6...

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....



Đọc:

GLOBAL ENGLISH 6

UNIT 5: MONEY – GRAMMAR 2 & KET READING

A. TIPS

BƯỚC 1: GẠCH CHÂN TỪ KHÓA (Underline keywords)

Mục tiêu: Nhìn rõ câu đang nói về nội dung gì.

BƯỚC 2: ĐỌC LƯỢT & QUÉT THÔNG TIN (Skim & Scan)

Skimming = Đọc nhanh để hiểu ý chính của cả đoạn.

Scanning = Nhìn kỹ những đoạn gần chỗ trống để tìm manh mối.

B. PRE-READING: Keyword Hunt

1. Find words that show **time** (e.g., “today”, “3pm”, “late”).
2. Find words that show **place** (e.g., “shop”, “club”, “home”).
3. Find words that show **actions** (e.g., “buy”, “close”, “wash”).

C. CAMBRIDGE READING PRACTICE (6 questions)

PART 1 Questions 1-6

For each question, choose the correct answer.

1.



- A. Dorothy is having a birthday party.
- B. Dorothy will see Emma tonight.
- C. Dorothy's father will take her to the party.

2.

Football Match

Today's football match against St. Peter's school will start at 3pm and not at 4pm. Please be ready at 2pm.


What time will the football match start?

- A. between 3pm and 4pm
- B. just after 2pm
- C. one hour earlier than planned

3.

Chess Club

We are looking for new members to join our club. You must be over 10 years old.




- A. The club is looking only for 10-year-old members.
- B. All members of the club must have the same age.
- C. People who are under 10 years old cannot join the club.

4.

Jim's Music Shop

Buy any 3 CDs for £15.
Monday to Saturday:
9am - 6pm



Music books also available.
25, Winchester Rd, Leeds

- A. The shop is closed at the weekend.
- B. CDs cost £5 each if you buy three.
- C. Books as well as CDs are at a special price.

5.

New Message

From: Mum

To: Peter

Hello
I'm getting home late and there is a big storm coming. Please can you close all the windows now?
Thank you.

Why has Peter's mum written this message?

- A. to tell him to come home late tonight
- B. to ask him to close the windows
- C. to tell him to go home now

6.

Car Wash

CAR WASH FROM £10.
GET 50% OFF EVERY THURSDAY.



PARKING ALL DAY: £7

- A. You will have a discount if you park your car here.
- B. On Thursdays you pay £5 to wash your car.
- C. Every Thursday you can park for £5.

Tên:

Lớp: S6...

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/.....



Ngữ pháp:

Độc:

Mini Test:

GLOBAL ENGLISH 6

UNIT 5: MONEY – GRAMMAR 2 & KET READING

A. GRAMMAR

1. Quantifiers

- Lượng từ là các từ chỉ **số lượng**, chúng được đặt **trước danh từ để bổ nghĩa cho danh từ**. Một số lượng từ trong tiếng Anh đi với **danh từ đếm được số nhiều**, số khác lại đi với **danh từ không đếm được**, và một số lại có thể đi với **cả danh từ đếm được số nhiều và không đếm được**.

- Một số lượng từ thường gặp:

Đi với danh từ đếm được số nhiều	Đi với danh từ không đếm được	Đi với cả danh từ đếm được số nhiều / không đếm được
a number of (một vài)	an amount of (một lượng)	a lot of / lots of (nhiều)
many (nhiều)	much (nhiều)	some (một vài)
several (một vài)	a great deal of (nhiều)	any (một vài)
a few / few (một ít / ít)	a little / little (một ít / ít)	no (không có)

Lưu ý:

- “some” thường được dùng trong câu khẳng định, “any” thường được dùng trong câu phủ định và nghi vấn với nghĩa *bất kỳ, bất cứ*.

- a little / a few = có một chút, đủ

E.g. We have **a little** time, so we can finish the exercise.

She has **a few** friends, so she isn't lonely.

- little / few = quá ít, không đủ

E.g. We have **little** time, so we can't finish the exercise.

She has **few** friends, so she feels lonely.

2. Either...or... và Neither...nor...

	either...or...	neither...nor...
Nghĩa	hoặc...hoặc...	không...cũng không...
Cách dùng	Dùng với ý nghĩa khẳng định , mang ý nghĩa một trong hai đối tượng / sự vật đều có thể xảy ra .	Diễn đạt ý nghĩa phủ định hoàn toàn , khẳng định cả hai đối tượng / sự vật đều không có khả năng xảy ra.
Cấu trúc	either + A + or + B	neither + A + nor + B
Ví dụ	<i>You can drink either tea or coffee.</i>	<i>They can neither sing nor dance.</i>

Lưu ý: Khi Either + A + or + B và Neither + A + nor + B đứng đầu câu, động từ theo sau đó chia theo B.

E.g. *Neither my brothers nor **my friend** likes coffee.*

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	indoor (adj)	trong nhà	4	opening hour (n)	giờ mở cửa
2	except (prep)	ngoại trừ	5	concert (n)	buổi hòa nhạc
3	department store (n)	cửa hàng bách hoá			

*Note: *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; prep = preposition: giới từ.*

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

C. HOMEWORK

GRAMMAR (20 questions)

I. Circle the correct answers.

0. Jane is going to be late for school. There is too much / many traffic.
1. The exam was extremely difficult, and **little** / few students passed it.
2. There aren't **much** / many car parks in the mountainous and remote countryside of Vietnam.
3. New York has **a lot of** / many of great fashion shops.
4. "Can I buy stamps here?" - "Well, we do sell them, but we haven't got **some** / any stamps at the moment."
5. When I went to England, I saw **some** / any beautiful scenery.

II. Match to make meaningful sentences.

0. I have some homework	0- <u>a</u>	a. to do tonight.
1. A number of students	1- ____	b. to my birthday party.
2. Several friends came	2- ____	c. chairs in the classroom.
3. There is a little	3- ____	d. any questions for the teacher?
4. Do you have	4- ____	e. are in the school yard.
5. There are many	5- ____	f. milk in the fridge.

III. Fill in the blanks with EITHER...OR or NEITHER...NOR.

0. You can either take the bus or walk to school.
1. _____ Tom _____ Jerry knew the answer to the question. Only the teacher knew.
2. She can _____ stay at home _____ join the dance club after school. It's her choice.
3. You can paint the room _____ blue _____ green; both colors match the furniture.
4. You should _____ stay at home _____ wear a mask if you go outside.
5. Mr. Thomas teaches _____ English _____ History. He is a Physics teacher.

IV. Rewrite the sentences using EITHER...OR or NEITHER...NOR.

0. You have two options: work from home or work at the office.
→ You can either work from home or work at the office.
1. Both Sarah and Emily were not interested in the job offer.
→ _____ in the job offer.
2. He doesn't like tea, and he doesn't like coffee.
→ He likes _____.
3. You can choose to study science or mathematics in college.
→ You can study _____.
4. I don't speak French, and I don't speak German.
→ I speak _____.
5. There are two options for our holiday: visit the beach or visit the mountain.
→ We can visit _____.

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khóa chính trong bài.

PART 1 Questions 1-6

For each question, choose the correct answer.

1. **New Message**

From: James

To: Andrew

Hello Andrew
I'm very sorry, I can't go to the concert on Saturday. I feel very sick. I think I ate something bad.

- A. James has been sick since Saturday.
- B. James is not feeling well.
- C. James will go to a concert with Andrew this Saturday.

2. **Indoor Market**

Here you can find fresh fish, meat and vegetables. We're open every day except Sundays.



The market cafe opens at 5am.

- A. The cafe serves fresh fish after 5am.
- B. On Sundays the market cafe opens at 5am.
- C. Sunday is the only day that the market is closed.

3. **Western Bank**



Please take off your hats and sunglasses inside the bank.

Our opening hours are:
Monday to Friday: 10am to 5pm
Saturday: 10am to 1pm

- A. You can only wear a hat and sunglasses in the bank.
- B. You must not wear sunglasses inside the bank.
- C. You can't get into the bank after 10 am.

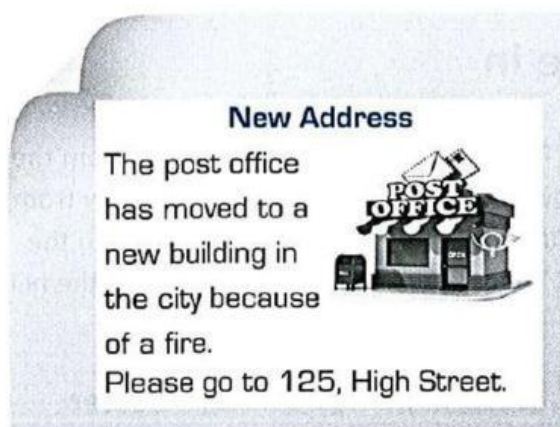
4.



What is true about Jane's boyfriend?

- A. He is the same year as her.
- B. He is not in their class.
- C. He goes to another school.

5.



The post office

- A. has moved to another city.
- B. is now on fire.
- C. is not at the same place.

6.



Where might you see this?

- A. at a sports centre
- B. at a department store
- C. at a grocery store